

## KẾT LUẬN THANH TRA

### Việc chấp hành các quy định pháp luật về công tác quản lý chất lượng an toàn thực phẩm nông, lâm, thủy sản trên địa bàn tỉnh

Thực hiện Quyết định số 24/QĐ-TTr ngày 03/5/2024 của Chánh Thanh tra Sở Nông nghiệp và PTNT Quảng Bình về thanh tra việc chấp hành các quy định pháp luật về công tác quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm (ATTP) nông, lâm, thủy, sản (NLTS) trên địa bàn tỉnh Quảng Bình. Đoàn Thanh tra đã tiến hành thanh tra tại 08 Phòng Nông nghiệp và PTNT các huyện, Phòng kinh tế thị xã, thành phố với 130 bộ hồ sơ được kiểm tra (117 bộ hồ sơ cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP (GCN), 13 bộ hồ sơ thẩm định định kỳ) và 18 cơ sở sản xuất kinh doanh (SXKD), chế biến thực phẩm NLTS trên địa bàn tỉnh từ ngày 08/5/2024 đến ngày 28/5/2024.

Xét Báo cáo kết quả thanh tra số 31/BC-ĐTTr ngày 17/6/2024 của Trưởng Đoàn thanh tra, ý kiến giải trình của tổ chức, cá nhân là đối tượng thanh tra, Chánh Thanh tra Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kết luận:

#### I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 1.683 cơ sở SXKD, chế biến thực phẩm NLTS thuộc đối tượng cấp GCN, trong đó có 1.272 cơ sở đã được cấp GCN (kể cả tàu cá) bao gồm 54 doanh nghiệp và 1.218 cơ sở SXKD, chế biến thực phẩm NLTS tập trung ở các xã vùng ven biển, thị xã, thành phố.

Trong năm 2023 và 04 tháng đầu năm 2024, ngành Nông nghiệp và PTNT đã chú trọng đẩy mạnh các hoạt động thông tin, tuyên truyền; hướng dẫn cơ sở áp dụng hệ thống quản lý chất lượng, số hóa trong SXKD, chế biến thực phẩm NLTS; đặc biệt không sử dụng chất cấm, chất bảo quản, phụ gia, thuốc bảo vệ thực vật ngoài doanh mục; phối hợp tổ chức đào tạo, nâng cao nghiệp vụ, kỹ năng tuyên truyền phổ biến pháp luật, giám sát, kiểm tra, xử phạt vi phạm hành chính đảm bảo an toàn thực phẩm NLTS cho đội ngũ cán bộ quản lý... Tăng cường các biện pháp kiểm soát chặt chẽ sản xuất, chú trọng xây dựng chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn; xây dựng và mở rộng vùng sản xuất tập trung; nhân rộng mô hình mỗi xã một sản phẩm OCOP. Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm đặc sản, truyền thống; xây dựng thương hiệu sản phẩm địa phương gắn với chỉ dẫn địa lý, kết nối sản xuất, tiêu thụ sản phẩm an toàn. Tuy vậy, sự phát triển các loại hình SXKD thực phẩm NLTS tăng nhanh về số lượng, đa dạng về loại hình đã đặt ra cho công tác quản lý ATTP trên địa bàn tỉnh không ít khó khăn, thách thức.

Thực hiện Quyết định số 37/2019/QĐ-UBND ngày 25/11/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình về việc phân công cơ quan thẩm định, chứng nhận cơ sở SXKD thực phẩm NLTS đủ điều kiện ATTP; cơ quan quản lý các cơ sở sản xuất

kinh doanh NLTS không thuộc diện cấp GCN trên địa bàn tỉnh Quảng Bình cùng với hệ thống các đơn vị cấp tỉnh, Phòng Nông nghiệp và PTNT, Phòng Kinh tế các huyện, thị xã, thành phố đã thẩm định, chứng nhận cơ sở SXKD thực phẩm NLTS đủ điều kiện ATTP theo phân cấp và tham mưu cho UBND cấp huyện chỉ đạo, theo dõi UBND cấp xã quản lý, ký cam kết ATTP đối với cơ sở sản xuất kinh doanh NLTS không thuộc diện cấp GCN nên việc quản lý ATTP nói chung và an toàn thực phẩm NLTS nói riêng từng bước kiện toàn và đi vào nề nếp.

## **II. KẾT QUẢ THANH TRA**

### **1. Việc cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện SXKD thực phẩm NLTS tại Phòng Nông nghiệp và PTNT các huyện, Phòng Kinh tế thị xã, thành phố**

#### **1.1. Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện Lệ Thủy**

- Cơ sở SXKD thực phẩm NLTS đã được cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP<sup>(1)</sup> còn hiệu lực lũy kế đến thời điểm thanh tra là 24 cơ sở; trong đó, số cơ sở đã được cấp GCN năm 2023 và 4 tháng đầu năm 2024 là 11 cơ sở; thực hiện thẩm định định kỳ 04/13 cơ sở thuộc diện phải thẩm định định kỳ<sup>(2)</sup>.

- Đoàn Thanh tra đã kiểm tra, xác minh thực tế tại cơ sở kinh doanh thủy sản đông lạnh của ông Võ Văn Sơn ở thôn Đông Thủy, xã Dương Thủy và cơ sở SXKD chế biến gà đông lạnh của ông Lê Văn Tường ở thôn 2, xã Thanh Thủy.

#### **1.2. Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện Quảng Ninh**

- Số cơ sở SXKD thực phẩm NLTS đã được cấp GCN còn hiệu lực lũy kế đến thời điểm thanh tra là 20 cơ sở; trong đó, số cơ sở được cấp GCN trong năm 2023 và 04 tháng đầu năm 2024 là 06 cơ sở; thực hiện thẩm định định kỳ 01/16 cơ sở thuộc diện phải thẩm định định kỳ.

- Đoàn đã kiểm tra, xác minh thực tế tại HTX sản xuất, mua bán, chế biến thủy hải sản Vương Đoàn ở thôn Cửa Thôn, xã Hải Ninh.

#### **1.3. Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện Bố Trạch**

- Số cơ sở SXKD thực phẩm NLTS đã được cấp GCN còn hiệu lực lũy kế đến thời điểm thanh tra là 38 cơ sở; trong đó, số cơ sở được cấp GCN trong năm 2023 và 04 tháng đầu năm 2024 là 19 cơ sở; chưa thực hiện thẩm định định kỳ đối với 19 cơ sở thuộc đối tượng thẩm định định kỳ.

- Đoàn đã kiểm tra, xác minh thực tế tại cơ sở SXKD chế biến xúc xích, chả cá của ông Lê Lạc ở thôn Nội Hải, xã Hải Phú; cơ sở chăn nuôi vịt của ông Lê Quốc Bảo ở thôn Bắc, xã Vạn Trạch và HTX SXKD chế biến thủy sản Nhân Trạch ở thôn Nhân Quang, xã Nhân Trạch.

<sup>1</sup> Theo quy định tại khoản 2, Điều 17, Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP có hiệu lực trong thời gian 03 năm.

<sup>2</sup> Theo quy định tại khoản 1.2, Điều 9 Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT thì tần suất thẩm định định kỳ đối với cơ sở xếp loại A là 18 tháng/1 lần, cơ sở xếp loại B là 12 tháng/1 lần.

#### **1.4. Phòng Kinh tế thị xã Ba Đồn**

- Số cơ sở SXKD thực phẩm NLTS đã được cấp GCN còn hiệu lực lũy kế đến thời điểm thanh tra là 23 cơ sở; trong đó, số cơ sở được cấp GCN trong năm 2023 và 04 tháng đầu năm 2024 là 12 cơ sở; chưa thực hiện thẩm định định kỳ đối với 11 cơ sở thuộc đối tượng thẩm định định kỳ.

- Đoàn đã kiểm tra, xác minh thực tế tại 02 cơ sở SXKD nem chả của bà Trần Thị Minh và của bà Ngô Thị Hồng phường Quảng Long; 01 cơ sở SXKD rau củ quả của ông Võ Văn Thành ở phường Quảng Thuận.

#### **1.5. Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện Quảng Trạch**

- Số cơ sở SXKD thực phẩm NLTS đã được cấp GCN còn hiệu lực lũy kế đến thời điểm thanh tra là 14 cơ sở; số cơ sở được cấp GCN trong năm 2023 và 04 tháng đầu năm 2024 là 08 cơ sở; thực hiện thẩm định định kỳ 08/08 cơ sở thuộc đối tượng thẩm định định kỳ.

- Đoàn đã kiểm tra, xác minh thực tế tại cơ sở kinh doanh thủy sản đông lạnh của ông Lê Đức Việt ở thôn Di Lộc, xã Quảng Tùng; cơ sở SXKD nem chả của ông Nguyễn Đình Hiệu ở thôn Nam Lãnh, xã Quảng Phú và cơ sở SXKD chế biến thủy sản của bà Nguyễn Thị Hương ở làng Nghè, xã Cảnh Dương.

#### **1.6. Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện Minh Hóa**

- Số cơ sở SXKD thực phẩm NLTS đã được cấp GCN còn hiệu lực lũy kế đến thời điểm thanh tra là 03 cơ sở; trong đó, cơ sở được cấp GCN trong năm 2023 và 04 tháng đầu năm 2024 là 01 cơ sở; chưa thực hiện thẩm định định kỳ đối với 02 cơ sở thuộc đối tượng thẩm định định kỳ.

- Đoàn Thanh tra đã kiểm tra, xác minh thực tế tại HTX Nông nghiệp Thượng Hóa ở thôn Tiến Hóa, xã Thượng Hóa.

#### **1.7. Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện Tuyên Hóa**

- Số cơ sở SXKD thực phẩm NLTS đã được cấp GCN còn hiệu lực lũy kế đến thời điểm thanh tra là 08 cơ sở; trong đó, số cơ sở được cấp GCN trong năm 2023 và 04 tháng đầu năm 2024 là 04 cơ sở; chưa thực hiện thẩm định định kỳ đối với 04 cơ sở thuộc đối tượng thẩm định định kỳ.

- Đoàn Thanh tra đã kiểm tra, xác minh thực tế tại cơ sở SXKD nem, chả của bà Đinh Thị Thùy Linh ở thị trấn Đồng Lê.

#### **1.8. Phòng Kinh thành phố Đồng Hới**

- Số cơ sở SXKD thực phẩm NLTS đã được cấp GCN còn hiệu lực lũy kế đến thời điểm thanh tra là 107 cơ sở; trong đó, số cơ sở đã được cấp GCN trong năm 2023 và 04 tháng đầu năm 2024 là 56 cơ sở; chưa thực hiện thẩm định định kỳ đối với 51 cơ sở thuộc đối tượng thẩm định định kỳ.

- Đoàn Thanh tra đã kiểm tra, xác minh thực tế tại các cơ sở: Cơ sở SXKD nem chả của bà Cao Lê Thùy Trang ở phường Đồng Sơn; cơ sở kinh doanh, chế biến tổ yến của bà Nguyễn Thị Mỹ Linh ở phường Đồng Phú, cơ sở kinh doanh,

chế biến hải sản của bà Phạm Thị Hằng ở phường Hải Thành và cơ sở kinh doanh nông sản, hải sản của ông Lưu Chí Kiên ở phường Hải Thành.

## **2. Kết quả lấy mẫu và phân tích kiểm tra chất lượng**

Qua thanh tra Đoàn đã tiến hành lấy 08 mẫu thực phẩm NLTS để phân tích kiểm tra một số chỉ tiêu nhằm đánh giá chất lượng sản phẩm tại Trung tâm Chất lượng nông lâm thủy sản vùng 2. Kết quả phân tích 08/08 mẫu đảm bảo chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm (chi tiết có phụ lục kèm theo).

## **III. KẾT LUẬN**

### **1. Ưu điểm**

#### **1.1. Phòng Nông nghiệp và PTNT các huyện, Phòng Kinh tế thị xã, thành phố**

Trình tự, thủ tục về việc thẩm định tại cơ sở SXKD thực phẩm NLTS và việc cấp GCN cơ sở SXKD đủ điều kiện ATTP cơ bản được Phòng Nông nghiệp và PTNT, Phòng Kinh tế các huyện, thị xã, thành phố thực hiện theo quy định tại Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 và Thông tư số 32/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; Thủ tục tiếp nhận hồ sơ, hướng dẫn cơ sở thực hiện theo đúng quy định.

Các cơ sở SXKD được cấp GCN thực hiện cơ bản đúng theo phân cấp quản lý quy định tại Quyết định số 37/2019/QĐ-UBND ngày 25/11/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình.

Hồ sơ thẩm định cơ sở và cấp GCN được lưu giữ cẩn thận, khoa học, đảm bảo đầy đủ danh mục hồ sơ và đúng thẩm quyền quản lý.

Đã chỉ đạo các phường, xã, thị trấn tăng cường công tác quản lý các cơ sở SXKD thực phẩm NTS không thuộc diện cấp GCN theo quy định tại Thông tư 17/2018/TT-BNNPTNT.

#### **1.2. Các cơ sở SXKD thực phẩm nông lâm thủy sản**

Các cơ sở SXKD thực phẩm NTS chấp hành các quy định của pháp luật về điều kiện đảm bảo chất lượng, vệ sinh ATTP. Thời điểm thanh tra không phát hiện việc sử dụng chất cấm trong SXKD; 08/08 mẫu thực phẩm NLTS qua phân tích kiểm tra chất lượng, ATTP đều đạt kết quả âm tính.

Các cơ sở có trang thiết bị phù hợp cho hoạt động SXKD, chế biến thực phẩm NLTS. Công tác vệ sinh được đảm bảo, các cơ sở thực hiện các biện pháp kiểm soát côn trùng, động vật gây hại; có máy móc, trang thiết bị phù hợp như tủ lạnh, tủ đông, kho lạnh, máy sấy, các thiết bị bảo quản khi chế biến.

## **2. Khuyết điểm, hạn chế**

### **2.1. Phòng Nông nghiệp và PTNT các huyện, Phòng Kinh tế thị xã, thành phố**

Công tác thẩm định, cấp GCN tại các Phòng Nông nghiệp và PTNT, Phòng Kinh tế cơ bản thực hiện theo đúng quy định, song vẫn còn một vài tồn tại như sau:

### 2.1.1. Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện Lệ Thủy

- Trưởng đoàn, một số thành viên Đoàn thẩm định cấp GCN chưa tham gia các khóa đào tạo, tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ phù hợp với lĩnh vực thẩm định, các khóa đào tạo thẩm định viên theo quy định tại khoản 1, 2, Điều 10, Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018.

- Chưa thực hiện thẩm định định kỳ đối với 09 cơ sở thuộc đối tượng thẩm định định kỳ theo quy định tại khoản 2 Điều 6, Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018.

### 2.1.2. Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện Quảng Ninh

- Chưa thống kê, cập nhật danh sách các cơ sở thuộc phạm vi quản lý hàng quý theo quy định tại Điều 12, Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018.

- Việc thông báo thời gian thẩm định cho các cơ sở SXKD chưa đảm bảo thời gian theo quy định quy định tại khoản 1, Điều 14, Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018. Chưa ghi đầy đủ tổng số nhóm chỉ tiêu được đánh giá. Giấy khám sức khỏe của thành phần hồ sơ là bản photo chưa được công chứng.

- Chưa ban hành Quyết định thành lập đoàn thẩm định định kỳ; biên bản thẩm định chưa đánh giá đầy đủ các tiêu chí, chưa nhận xét về điều kiện đảm bảo ATTP. Chưa thực hiện thẩm định định kỳ đối với 15 cơ sở thuộc đối tượng thẩm định định kỳ theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018.

### 2.1.3. Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện Bố Trạch

- Chưa thống kê, cập nhật danh sách các cơ sở thuộc phạm vi quản lý hàng quý theo quy định tại Điều 12, Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018.

- Chưa thực hiện đầy đủ hồ sơ theo thủ tục hành chính quy định như không có phiếu, sổ theo dõi tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ theo quy định tại Điều 17, Điều 20 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018.

- Biên bản thẩm định đã đánh giá lỗi ở một số chỉ tiêu nhưng không diễn giải sai lỗi và thời hạn khắc phục; chưa thực hiện thẩm định định kỳ đối với 19 cơ sở thuộc đối tượng thẩm định định kỳ theo quy định tại khoản 2 Điều 6, Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018.

### 2.1.4. Phòng Kinh tế thị xã Ba Đồn

- Việc thông báo thời gian thẩm định cho một số cơ sở SXKD chưa đảm bảo thời gian theo quy định tại khoản 1, Điều 14, Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018. Một số biên bản thẩm định tổng số các chỉ tiêu đánh giá còn nhầm lẫn, nội dung hình thức thẩm định ghi chưa đúng quy định tại Điều 6 Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018. Chưa có nội dung về tần suất thẩm định đánh giá định kỳ tại Quyết định cấp GCN.

- Chưa thực hiện thẩm định định kỳ đối với 11 cơ sở thuộc đối tượng thẩm định định kỳ theo quy định tại khoản 2, Điều 6, Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018.

#### *2.1.5. Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện Quảng Trạch*

- Chưa thống kê, cập nhật danh sách các cơ sở thuộc phạm vi quản lý hàng quý theo quy định tại Điều 12, Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018.

- Chưa thực hiện đầy đủ hồ sơ theo thủ tục hành chính quy định như không có phiếu, sổ theo dõi tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ theo quy định tại Điều 17 và Điều 20 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018.

- Không thông báo thời gian và kết quả thẩm định cho các cơ sở SXKD theo quy định tại khoản 1 Điều 14, Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018. Nội dung hình thức thẩm định ghi chưa đúng quy định tại Điều 6 Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018, một số hồ sơ không có diễn giải lỗi sai và thời hạn khắc phục.

- Chưa ban hành Quyết định thành lập đoàn thẩm định theo quy định tại khoản 1, Điều 13, Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018.

#### *2.1.6. Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện Minh Hóa*

- Chưa thực hiện đầy đủ hồ sơ theo thủ tục hành chính quy định như không có phiếu, sổ theo dõi tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ theo quy định tại Điều 17 và Điều 20 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018..

- Chưa thực hiện thẩm định định kỳ đối với 02 cơ sở thuộc đối tượng thẩm định định kỳ theo quy định tại khoản 2, Điều 6, Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018.

#### *2.1.7. Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện Tuyên Hóa*

- Chưa thống kê, cập nhật danh sách các cơ sở thuộc phạm vi quản lý hàng quý theo quy định tại Điều 12, Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018.

- Chưa thực hiện đầy đủ hồ sơ theo thủ tục hành chính quy định như không có phiếu, sổ theo dõi tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ theo quy định tại Điều 17 và Điều 20 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018.

- Không có thông báo thời gian và kết quả thẩm định cho các cơ sở SXKD. Nội dung hình thức thẩm định ghi chưa đúng quy định tại Điều 6 Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018.

- Chưa thực hiện thẩm định định kỳ đối với 04 cơ sở thuộc đối tượng thẩm định định kỳ theo quy định tại khoản 2, Điều 6, Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018.

#### *2.1.8. Phòng Kinh tế thành phố Đồng Hới*

- Chưa thực hiện đầy đủ hồ sơ theo thủ tục hành chính quy định như không có phiếu, sổ theo dõi tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ theo quy định tại Điều 17 và Điều 20 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018.

- Việc thông báo thời gian thẩm định cho một số cơ sở SXKD chưa đảm bảo thời gian theo quy định tại khoản 1, Điều 14, Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018. Chưa có nội dung về tần suất thẩm định đánh giá định kỳ tại Quyết định cấp GCN cơ sở đủ điều kiện ATTP.

- Cấp GCN cơ sở đủ điều kiện ATTP đối với cơ sở SXKD Hoài Hương không đúng đối tượng theo quy định tại Điều 2, Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 (cơ sở SXKD bánh).

- Chưa thực hiện thẩm định định kỳ đối với 51 cơ sở thuộc đối tượng thẩm định định kỳ theo quy định tại khoản 2, Điều 6, Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018.

## **2.2. Các cơ sở SXKD thực phẩm nông lâm thủy sản**

- Các cơ sở SXKD, chế biến chưa nhận thức đầy đủ về công tác truy xuất nguồn gốc nên việc ghi chép theo dõi và lưu trữ hồ sơ phục vụ công tác truy xuất nguồn gốc còn hạn chế.

- Điều kiện cơ sở vật chất phục vụ việc SXKD, chế biến của một số cơ sở vẫn còn những hạn chế nhất định.

## **IV. NGUYÊN NHÂN, TRÁCH NHIỆM**

### **1. Nguyên nhân**

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến những khuyết điểm nêu trên, trong đó do những nguyên nhân chính như sau:

Số lượng biên chế của Phòng Nông nghiệp và PTNT các huyện, Phòng Kinh tế thành phố, thị xã còn hạn chế; các cơ sở SXKD thực phẩm NLTS chủ yếu hoạt động theo mùa vụ, quy mô nhỏ, lẻ nhưng đa dạng về hình thức nên việc quản lý, thẩm định, cấp GCN cơ sở đủ điều kiện ATTP gặp nhiều khó khăn.

Công chức thực hiện công tác ATTP chủ yếu là kiêm nhiệm, chưa được đào tạo chuyên sâu nên việc tham mưu thẩm định, cấp GCN cơ sở đủ điều kiện ATTP còn có một số nội dung chưa đầy đủ dẫn đến xảy ra các sai sót nêu trên.

### **2. Trách nhiệm**

Trách nhiệm để xảy ra các khuyết điểm thuộc về Phòng Nông nghiệp và PTNT các huyện, Phòng Kinh tế thành phố, thị xã, trong đó Phó trưởng phòng phụ trách lĩnh vực ATTP là người chịu trách nhiệm về các nội dung sai sót trong việc quản lý, thẩm định, cấp GCN cơ sở đủ điều kiện ATTP.

Chuyên viên phụ trách công tác ATTP NLTS của Phòng Nông nghiệp và PTNT các huyện, Phòng Kinh tế thành phố, thị xã chịu trách nhiệm trực tiếp trong công tác tham mưu để xảy ra sai sót trong việc quản lý, thẩm định, cấp GCN cơ sở đủ điều kiện ATTP.

## **V. KIẾN NGHỊ BIỆN PHÁP XỬ LÝ**

### **1. Đề nghị UBND các huyện, thị xã, thành phố**

Chỉ đạo tăng cường công tác quản lý Nhà nước về chất lượng và ATTP trên địa bàn; nâng cao năng lực cho cán bộ, công chức của Đoàn thẩm định cấp GCN, tổ chức thẩm định định kỳ theo phân cấp; xử lý nghiêm các cơ sở SXKD vi phạm về điều kiện đảm bảo chất lượng và ATTP.

Bổ trí hợp lý biên chế cho đội ngũ chuyên trách ATTP ở cấp huyện, cấp xã đảm bảo trình độ chuyên môn, nghiệp vụ nhằm quản lý tốt các hoạt động bảo đảm ATTP trên địa bàn.

### **2. Phòng Nông nghiệp và PTNT, Phòng Kinh tế các huyện, thị xã, thành phố**

Tổ chức họp rút kinh nghiệm, khắc phục những khuyết điểm, hạn chế đã nêu ở khoản 2, Mục III. Thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục, nội dung, hồ sơ trong việc thẩm định, cấp GCN; thực hiện thẩm định định kỳ đối với các cơ sở thuộc đối tượng thẩm định định kỳ; tiếp nhận, lưu giữ hồ sơ theo đúng quy định.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền các quy định của pháp luật về điều kiện bảo đảm ATTP NLTS; hướng dẫn UBND các xã, phường, thị trấn rà soát, thống kê, tổ chức cho các cơ sở ký Bản cam kết SXKD thực phẩm NLTS an toàn theo Thông tư số 17/2018/TT-BNNPTNT ngày 31/10/2018 quy định phương thức quản lý điều kiện bảo đảm ATTP đối với cơ sở SXKD NLTS không thuộc diện cấp GCN thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

Tổ chức rà soát đối với các cơ sở SXKD

### **3. Đối với các cơ sở SXKD thực phẩm NLTS**

Đảm bảo duy trì việc thực hiện các quy định pháp luật về điều kiện SXKD thực phẩm NLTS tại cơ sở. Chú trọng việc ghi chép lưu giữ hồ sơ chương trình quản lý chất lượng, nhận diện sản phẩm bảo đảm truy xuất được nguồn gốc; bố trí các công đoạn trong sản xuất bảo đảm theo nguyên tắc một chiều.

Tăng cường các biện pháp bảo đảm và nâng cao chất lượng, an toàn thực phẩm NLTS; sử dụng các loại hóa chất, kháng sinh, phụ gia đúng quy định của pháp luật.

### **4. Đối với các đơn vị trực thuộc Sở**

Phòng Quản lý chất lượng Nông lâm sản và thủy sản: Tăng cường kiểm tra, giám sát, thẩm định cấp GCN kịp thời; tổ chức hướng dẫn, tuyên truyền, tập huấn kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ trong việc thẩm định, kiểm tra, giám sát ATTP NLTS cho cán bộ cấp huyện, cấp xã.

Thanh tra Sở: Chủ trì phối hợp với Phòng Quản lý chất lượng Nông lâm sản và thủy sản và các tổ chức, cá nhân có liên quan tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra về ATTP NLTS; phối hợp tổ chức tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về ATTP NLTS.

Yêu cầu Phòng Nông nghiệp và PTNT, Phòng Kinh tế các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện nghiêm túc Kết luận này và báo cáo kết quả thực hiện bằng văn bản về Thanh tra Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trước ngày 10/9/2024./.

**Nơi nhận:**

- Lãnh đạo Sở (B/c);
- Thanh tra Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- UBND các huyện, TX, TP;
- Phòng NN&PTNT, Phòng KT các huyện, TX, TP;
- Phòng QLCL NLS&TS;
- Trang web của Sở (để đăng tải)
- Lưu Hồ sơ thanh tra.

**CHÁNH THANH TRA**



**Nguyễn Sinh Thành**

## PHỤ LỤC KẾT QUẢ PHÂN TÍCH MẪU AN TOÀN THỰC PHẨM

(Kèm theo Kết luận thanh tra số /KL-TTr ngày tháng 6 năm 2024)

TT	Địa điểm lấy mẫu	Tên sản phẩm lấy mẫu/ Ký hiệu mẫu	Chỉ tiêu phân tích	Kết quả phân tích
1	Cơ sở KD thực phẩm đông lạnh của ông Lê Văn Tường ở xã Thanh Thủy, huyện Lệ Thủy	Thịt gà đông lạnh có ký hiệu mẫu 01/ATTP	Ractopamine	Đạt
			Tetracycline	Đạt
2	HTX SXKD, chế biến thủy sản Nhân Trạch ở thôn Nhân Quang, xã Nhân Trạch, huyện Bố Trạch	Nước mắm có ký hiệu mẫu 03/ATTP	Trichlorfon	Đạt
			Deltamethrin	Đạt
3	Cơ sở SXKD, chế biến thủy sản của bà Nguyễn Thị Hương ở làng Nghè, xã Cảnh Dương, huyện Quảng Trạch	Nước mắm có ký hiệu mẫu 04/ATTP	Trichlorfon	Đạt
			Deltamethrin	Đạt
4	Cơ sở SXKD nem chả của ông Nguyễn Đình Hiệu ở thôn Nam Lành, xã Quảng Phú, huyện Quảng Trạch	Chả thịt có ký hiệu mẫu 05/ATTP	Kali Sorbat	Đạt
			Hàn the	Đạt
5	HTX sản xuất, mua bán, chế biến thủy hải sản Vương Đoàn ở thôn Cửa Thôn, xã Hải Ninh, huyện Quảng Ninh	Mực ống có ký hiệu mẫu 06/ATTP	CAP	Đạt
			Focmaldehyde	Đạt
6	Cơ sở KD, chế biến hải sản của bà Phạm Thị Hằng ở phường Hải Thành, thành phố Đồng Hới	Ruốc có ký hiệu mẫu 07/ATTP	Rhodamine B	Đạt
			Trichlorfon	Đạt
7	Cơ sở KD nông sản, hải sản của ông Lưu Chí Kiên ở phường Hải Thành, thành phố Đồng Hới	Cá khô có ký hiệu mẫu 08/ATTP	Deltamethrin	Đạt
			Trichlorfon	Đạt
8	Cơ sở SXKD nem chả của bà Cao Lê Thùy Trang ở phường Đồng Sơn, thành phố Đồng Hới	Chả thịt có ký hiệu mẫu 09/ATTP	Kali Sorbat	Đạt
			Hàn the	Đạt